

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 06 tháng 03 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**
2. Bà **Võ Thị Hồng Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Quy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 385/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1965 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị L1**, sinh năm 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Vào ngày 06/01/2020 dương lịch, bà Nguyễn Thị Thu L có cho bà Huỳnh Thị L1 vay số tiền là 32.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, bà Huỳnh Thị L1 hứa 02 tháng sẽ trả đủ.

Vào ngày 13/6/2021, bà Nguyễn Thị Thu L có cho bà Huỳnh Thị L1 vay số tiền là 48.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, bà Huỳnh Thị L1 cũng hứa 02 tháng sau sẽ trả đủ.

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022, biên bản hòa giải ngày 11/01/2023 bà Nguyễn Thị Thu L xác định vào ngày 02/01/2022 dương lịch, bà Nguyễn Thị Thu L có cho bà Huỳnh Thị L1 vay số tiền là 30.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, bà Huỳnh Thị L1 hứa 07 tháng sau sẽ trả đủ. Tuy nhiên đến ngày 10/2/2023 bà Nguyễn Thị Thu L xác định do bà không nhớ rõ nên

bà xác định khoản vay 30.000.000 đồng bà Thu L cho bà Huỳnh Thị L1 vay vào ngày 02/01/2022 dương lịch theo ngày mà bà Huỳnh Thị L1 ký biên nhận nhận nợ với bà Thu L. Bà Thu L xác định khoản vay 30.000.000 đồng nêu trên bà Thu L cho bà Huỳnh Thị L1 vay vào ngày 05/12/2020 dương lịch, bà Huỳnh Thị L1 hứa 07 tháng sau (tức là đến ngày 05/7/2021 dương lịch) thì bà Huỳnh Thị L1 sẽ trả đủ cho bà Thu L. Tuy nhiên, lúc cho vay thì bà Thu L chỉ ghi biên nhận tự theo dõi chứ bà Huỳnh Thị L1 không có ký nhận số nợ trên với bà Thu L. Đến ngày 02/01/2022 dương lịch thì bà Thu L mới gặp bà Huỳnh Thị L1 yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 phải ký nhận khoản nợ này với bà Thu L.

Từ khi vay các khoản tiền nêu trên đến nay thì bà Huỳnh Thị L1 không có trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền nào. Nay bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu L tổng số tiền vay gốc của 03 lần vay là 110.500.000 đồng và tiền lãi đối với từng khoản vay theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn thỏa thuận trả nợ giữa hai bên cho đến khi bà Huỳnh Thị L1 thanh toán dứt nợ.

Cả 03 lần bà Huỳnh Thị L1 vay tiền của bà Thu L thì bà Huỳnh Thị L1 đều có viết biên nhận giao cho bà Thu L giữ. Bà Thu L chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Thu L, bà Thu L không yêu cầu chồng bà Huỳnh Thị L1 là ông Nguyễn Văn Nghĩa cùng có trách nhiệm với bà Huỳnh Thị L1 trả nợ cho bà Thu L vì khi vay tiền thì chỉ có bà Huỳnh Thị L1 giao dịch với bà Thu L, ông Nguyễn Văn Nghĩa không có tham gia giao dịch với bà Thu L.

Bà Thu L không đồng ý việc bà Huỳnh Thị L1 xác định các khoản tiền nợ nêu trên là tiền nợ hui. Các khoản tiền mà bà Thu L khởi kiện nêu trên là tiền vay. Giữa bà Thu L với bà Huỳnh Thị L1 không có nợ tiền hui gì với nhau. Ngoài ra bà Thu L không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L1 trình bày: Bà Huỳnh Thị L1 không đồng ý số tiền 110.500.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện bà Huỳnh Thị L1 là tiền vay. Số tiền 110.500.000 đồng này có nguồn gốc từ việc bà Huỳnh Thị L1 chơi hui của bà Thu L và nợ tiền hui của bà Thu L.

Đối với khoản nợ 32.500.000 đồng theo biên nhận ngày 06/01/2020 dương lịch và khoản nợ 48.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/06/2021 dương lịch thì hai khoản nợ này bà Huỳnh Thị L1 đã thanh toán hết cho bà Thu L, lúc trả hết hai khoản nợ này thì bà Huỳnh Thị L1 đều có yêu cầu bà Thu L giao lại các biên nhận này cho bà Huỳnh Thị L1 để hủy bỏ nhưng bà Thu L nói với bà Huỳnh Thị L1 là giữa bà Huỳnh Thị L1 với bà Thu L làm ăn chung nhiều năm, không lẽ không tin tưởng nhau mà phải yêu cầu đưa biên nhận lại để hủy bỏ. Bà Huỳnh Thị L1 cũng nghĩ đơn giản trả hết nợ thì thôi và tin tưởng bà Thu L nên cũng không có lấy lại hai biên nhận nợ này. Nay bà Thu L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 trả hai khoản nợ này thì bà Huỳnh Thị L1 không đồng ý.

+ Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/01/2022 dương lịch thì bà Huỳnh Thị L1 thừa nhận còn thiếu bà Thu L và đồng ý trả số tiền nợ này cùng lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà Thu L.

Do thời gian đã lâu và bà Huỳnh Thị L1 cũng không còn giữ các giấy tờ liên

quan đến các khoản nợ hui này nên bà Huỳnh Thị L1 không nhớ số tiền nợ hui nêu trên là của dây hui cụ thể nào. Khi bà Huỳnh Thị L1 trả số tiền nợ hui 32.500.000 đồng theo biên nhận ngày 06/01/2020 dương lịch và số tiền nợ hui 48.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/06/2021 dương lịch thì bà Huỳnh Thị L1 không có làm biên nhận trả tiền với bà Thu L. Chữ ký “L1” và họ tên “Huỳnh Thị L1” trong các biên nhận mà bà Nguyễn Thị Thu L cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của bà Huỳnh Thị L1. Bà Huỳnh Thị L1 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là bà đã trả hết số tiền nợ hui 32.500.000 đồng theo biên nhận ngày 06/01/2020 dương lịch và trả hết số tiền nợ hui 48.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/06/2021 dương lịch cho bà Thu L. Ngoài ra bà Huỳnh Thị L1 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với bà Huỳnh Thị L1. Buộc bà Huỳnh Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu L tổng số tiền là 129.620.000 đồng (*trong đó nợ gốc là: 110.500.000 đồng, nợ lãi là: 19.120.000 đồng*). Ngoài ra bà Huỳnh Thị L1 phải có trách nhiệm nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị L1 phải trả cho bà Thu L tổng số tiền vay gốc là 110.500.000 đồng đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã N, huyện Hồng Dân nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 phải trả tổng số tiền vay gốc là 110.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn thỏa thuận trả nợ giữa hai bên cho đến khi thanh toán dứt nợ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nguyễn Thị Thu L có cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận nhận tiền có chữ ký của bà Huỳnh Thị L1. Cụ thể:

Biên nhận ngày 06/01/2020 dương lịch, thể hiện bà Huỳnh Thị L1 có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị Thu L là 32.500.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất khi vay, bà Huỳnh Thị L1 hứa 02 tháng sau sẽ trả đủ.

Biên nhận ngày 13/6/2021 dương lịch, thể hiện bà Huỳnh Thị L1 có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị Thu L là 48.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất khi vay, bà Huỳnh Thị L1 hứa 02 tháng sau sẽ trả đủ.

Biên nhận ngày 02/01/2022 dương lịch, thể hiện bà Huỳnh Thị L1 có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị Thu L là 30.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất khi vay, cam kết ngày 05/7/2021 dương lịch sẽ trả đủ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị L1 thừa nhận chữ ký trong các biên nhận tiền do bà Nguyễn Thị Thu L cung cấp cho Tòa án nêu trên đúng là chữ ký của bà Huỳnh Thị L1. Do đó có cơ sở xác định bà Huỳnh Thị L1 có nhận tiền của bà Nguyễn Thị Thu L 03 lần vào các ngày nêu trên với tổng số tiền là 110.500.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị L1 xác định 03 lần nhận tiền của bà Nguyễn Thị Thu L nêu trên là nhận tiền hui đồng thời đối với số tiền 32.500.000 đồng nhận vào ngày 06/01/2020 dương lịch và số tiền 48.000.000 đồng nhận vào ngày 13/6/2021 dương lịch thì bà Huỳnh Thị L1 đã trả hết cho bà Thu L, khi trả hết các khoản tiền nêu trên thì bà Huỳnh Thị L1 có yêu cầu bà Thu L giao lại các biên nhận này cho bà Huỳnh Thị L1 để hủy bỏ nhưng bà Thu L không có giao lại các biên nhận này cho bà Huỳnh Thị L1 và bà Huỳnh Thị L1 cũng không có bắt buộc bà Thu L phải giao lại các biên nhận này do tin tưởng nhau, khi trả tiền thì bà Huỳnh Thị L1 không có làm biên nhận trả tiền với bà Thu L. Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/01/2022 dương lịch thì bà Huỳnh Thị L1 thừa nhận còn thiếu bà Thu L và đồng ý trả số tiền này cùng lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà Thu L.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Thu L không thừa nhận tổng số tiền 110.500.000 đồng mà bà Huỳnh Thị L1 nhận 03 lần nêu trên là tiền nợ hui và bà Thu L cũng không đồng ý việc bà Huỳnh Thị L1 xác định đã trả hết khoản nợ 32.500.000 đồng nhận vào ngày 06/01/2020 dương lịch và khoản nợ 48.000.000 đồng nhận vào ngày 13/6/2021 dương lịch trong khi bà Huỳnh Thị L1 không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó có cơ sở xác định tổng số tiền 110.500.000 đồng mà bà Huỳnh Thị L1 nhận của bà Thu L theo 03 biên nhận nêu trên là tiền vay và bà Huỳnh Thị L1 vẫn chưa trả được khoản tiền nào cho bà Thu L. Vì vậy việc bà Thu L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 phải trả tổng số tiền vay gốc là 110.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với từng khoản vay kể từ ngày hết hạn thỏa thuận trả nợ giữa hai bên cho đến khi thanh toán dứt nợ là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi cho vay thì các bên không có thỏa thuận lãi suất vay nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, lãi suất được áp dụng cho các khoản vay nêu trên là 10%/năm (tương đương 0,83% tháng).

- Đối với khoản vay 32.500.000 đồng vào ngày 06/01/2020 dương lịch, hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ sau 02 tháng kể từ ngày vay, do đó tiền lãi sẽ phát sinh từ ngày hết hạn thỏa thuận trả nợ là ngày 07/3/2020. Từ ngày 07/3/2020 đến thời điểm Tòa án xét xử (ngày 06/3/2023) là 02 năm 11 tháng 27 ngày. Như vậy tiền lãi đối với khoản vay 32.500.000 đồng vào ngày 06/01/2020 dương lịch cụ thể

như sau: $(32.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 02 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = (3.250.000 \text{ đồng}/năm) \times 02 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = (270.833 \text{ đồng}/tháng) \times 1.087 \text{ ngày} = (9.027 \text{ đồng}/ngày) \times 1.087 \text{ ngày} = 9.812.349 \text{ đồng}$ (làm tròn là 9.812.000 đồng).

- Đối với khoản vay 48.000.000 đồng vào ngày 13/6/2021 dương lịch, hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ sau 02 tháng kể từ ngày vay, do đó tiền lãi sẽ phát sinh từ ngày hết hạn thỏa thuận trả nợ là ngày 14/8/2021. Từ ngày 14/8/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử (ngày 06/3/2023) là 01 năm 06 tháng 20 ngày. Như vậy tiền lãi đối với khoản vay 48.000.000 đồng vào ngày 13/6/2021 dương lịch cụ thể như sau: $(48.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = (4.800.000 \text{ đồng}/năm) \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = (400.000 \text{ đồng}/tháng) \times 565 \text{ ngày} = (13.333 \text{ đồng}/ngày) \times 565 \text{ ngày} = 7.533.145 \text{ đồng}$ (làm tròn là 7.533.000 đồng).

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/01/2022 dương lịch, quá trình giải quyết vụ án bà Thu L xác định khoản vay này bà Huỳnh Thị L1 vay vào ngày 05/12/2020 dương lịch, bà Huỳnh Thị L1 hứa 07 tháng sau (*tức là đến ngày 05/7/2021 dương lịch*) thì bà Huỳnh Thị L1 sẽ trả đủ cho bà Thu L. Tuy nhiên, đến ngày 02/01/2022 dương lịch thì bà Huỳnh Thị L1 mới ký nhận khoản nợ này với bà Thu L. Nay bà Thu L yêu cầu Tòa án tính lãi đối với khoản vay này từ ngày 03/8/2022 dương lịch (*tức là 07 tháng sau kể từ ngày bà Huỳnh Thị L1 ký nhận nợ khoản vay này với bà Thu L*) vì vậy cần ghi nhận ý chí tự nguyện này của bà Thu L. Từ ngày 03/08/2022 đến thời điểm Tòa án xét xử (ngày 06/3/2023) là 07 tháng 03 ngày. Như vậy tiền lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng cụ thể như sau: $(30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 07 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = (3.000.000 \text{ đồng}/năm) \times 07 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = (250.000 \text{ đồng}/tháng) \times 213 \text{ ngày} = (8.333 \text{ đồng}/ngày) \times 213 \text{ ngày} = 1.774.929 \text{ đồng}$ (làm tròn là 1.775.000 đồng).

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bà Huỳnh Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị Thu L tổng số tiền là: 110.500.000 đồng tiền vay gốc + 19.120.000 đồng tiền lãi = 129.620.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu L là 6.481.000 đồng ($129.620.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.481.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với bà Huỳnh Thị L1. Buộc bà Huỳnh Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu L tổng số tiền là 129.620.000 đồng (*trong đó nợ gốc là: 110.500.000 đồng, nợ lãi là: 19.120.000 đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Thu L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.762.000 đồng theo biên lai thu số 0006594 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được hoàn lại toàn bộ.

Buộc bà Huỳnh Thị L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 6.481.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh